

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 05.10.2016

Phiên bản 1.1

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	100807
Tên sản phẩm	Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	76-03-9

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ hô hấp, H335

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

P301 + P330 + P331 **NẾU NUỐT PHẢI**: Súc miệng. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn.

P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT**: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ.

Số CAS 76-03-9

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	CCl_3COOH	$\text{C}_2\text{HCl}_3\text{O}_2$ (Hill)
Số EC	200-927-2	
Khối lượng mol	163,38 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS Số đăng ký Phân loại

Trichloroacetic acid ($\leq 100\%$)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

76-03-9 *)

Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400
Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 1, H410

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt phải: cho bệnh nhân ồng nước (tối đa hai cốc), tránh nôn mửa (nguy c thùng dạ dày).

Gọi bác sĩ ngay lập tức. Không cố trung hòa.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Ho, Khó thở

Buồn nôn, Bất tỉnh

Rủi ro bị mù!

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không dễ cháy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

Khí hydro chloride, Phosgene

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa

Không dùng bình chứa kim loại.

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Khô.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Trichloroacetic acid (76-03-9)

VN OEL	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	5 mg/m ³
	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	2 mg/m ³

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống axit

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc B (theo DIN 3181) cho hơi và khí vô cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	Gây nhức
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	< 1 ở 50 g/l 20 °C
Điểm nóng chảy	54 - 56 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	197 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	> 110 °C
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Sản phẩm không dễ cháy. Tính dễ cháy (các chất rắn)
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	1 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	5,64

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100807
Tên sản phẩm Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Mật độ	1,63 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	1.300 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 1,33 Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107 Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Phương pháp: Nhiệt độ tự bốc cháy tương đối của chất rắn không tự bốc cháy
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	711 °C
Mật độ lớn	Khoảng 900 kg/m ³
Ăn mòn	< 6,25 mm/a Phương pháp: Hàng hóa nguy hiểm không đáng kể

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Xem phần 10.3.

10.2 Tính ổn định hóa học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

hút ẩm

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

muối bạc

Phản ứng tỏa nhiệt với:

Các chất kiềm, hydroxit kiềm, Amin, Các chất oxy hóa mạnh, sulfoxide

dimethyl sulfoxide, với, Đồng

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao (phân hủy).

10.5 Các vật liệu xung khắc

Các kim loại

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 3.320 mg/kg

IUCLID)

Triệu chứng: Nếu ăn phải, sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy, Ho, Khó thở, Hư hổng có thể, hư hổng khoang hô hấp

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Kích ứng da

Thở

Kết quả: Ăn mòn

IUCLID)

Gây bỏng nặng.

Kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Rủi ro bị mù!

Nhạy cảm

Kiểm tra cảm giác: Chuột lang

Kết quả: Âm tính

IUCLID)

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể

Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)

Chuột nhắt

Đực và cái

Bơm vào trong màng bụng

Tủy xương

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 474

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

(Chương Trình Độc Học Quốc Gia)

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thu:

Buồn nôn, Bất tỉnh

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

59 %; 20 d

(MSDS bên ngoài)

Không dễ phân hủy sinh học.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 1,33

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

Nhân tố M

1

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Hiệu ứng sinh học:

Ăn mòn ngay cả ở dạng pha loãng.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1839
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TRICHLOROACETIC ACID
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 100807
Tên sản phẩm Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

14.1 Số UN UN 1839
14.2 Tên vận chuyển thích hợp TRICHLOROACETIC ACID
14.3 Hạng 8
14.4 Nhóm đóng gói II
14.5 môi trường độc hại có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN UN 1839
14.2 Tên vận chuyển thích hợp TRICHLOROACETIC ACID, SOLID
14.3 Hạng 8
14.4 Nhóm đóng gói II
14.5 môi trường độc hại có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có

EmS F-A S-B

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 8B

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đã tiến hành Đánh giá An toàn Hóa chất cho chất này.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H314	Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.
H410	Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

H410 Rất độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bất khoản: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

100807
Trichloroacetic acid for analysis EMSURE® ACS, Reag. Ph Eur

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.